

Số: 272/QĐ- ĐHSPKTVL-ĐT

Vinh Long, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Quyết định số 80/2018/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐTBD ngày 05/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 94/2022/QĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 12/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học hệ vừa làm vừa học Đợt 2 năm 2022;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học hệ vừa làm vừa học đủ điều kiện xét tốt nghiệp Đợt 2 năm 2022;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học Đợt 2 năm 2022 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 28/12/2022;

Xét đề nghị của Ông Trưởng Phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ vừa làm vừa học cho **213** sinh viên (có danh sách kèm theo), các loại văn bằng như sau:

TT	Văn bằng	Số SV	Hạng tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Bằng Kỹ sư	175	3	40	118	14
2	Bằng Bác sĩ thú y	1	1	0	0	0
3	Bằng Cử nhân	37	5	13	19	0
Tổng cộng		213	9	53	137	14

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 272/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 29 tháng 12 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I. Ngành Công nghệ thông tin									
1	16304021	Nguyễn Chí Thanh	07/01/1994	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.83	Khá	
2	16304001	Nguyễn Văn Khánh	04/12/1988	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.63	Khá	
3	19304010	Nguyễn Thanh Hùng	21/01/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.01	Trung bình	
4	19304025	Lê Thị Hồng Cẩm	26/8/1984	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.91	Khá	
5	19304026	Lê Thị Kim Châu	20/11/1982	Cửu Long	Nữ	Kinh	2.60	Khá	
6	19304027	Huỳnh Kim Chi	15/10/1982	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.70	Khá	
7	19304028	Võ Thị Kiều Diễm	02/7/1982	Cửu Long	Nữ	Kinh	3.02	Khá	
8	19304029	Lê Thị Thúy Hằng	30/9/1989	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.81	Khá	
9	19304030	Nguyễn Phúc Hiền	25/3/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.43	Giỏi	
10	19304031	Võ Hữu Hiếu	24/8/1983	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
11	19304033	Phạm Ngọc Hương	13/5/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.01	Khá	
12	19304034	Lê Thị Ngọc Linh	24/10/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.93	Khá	
13	19304035	Nguyễn Thị Ngọc Loan	15/10/1983	Cửu Long	Nữ	Kinh	2.76	Khá	
14	19304036	Nguyễn Thị Hồng Loan	10/8/1984	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.57	Khá	
15	19304038	Nguyễn Thị Mỹ Nga	16/10/1980	Cửu Long	Nữ	Kinh	2.85	Khá	
16	19304039	Phạm Thị Bích Ngọc	26/10/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.99	Khá	
17	19304040	Lê Kim Nhanh	12/01/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.85	Khá	
18	19304041	Liêu Chí Phương	15/6/1977	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.56	Khá	
19	19304042	Trần Ngọc Phượng	01/01/1984	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.99	Khá	
20	19304043	Đồng Thị Kim Quyên	22/4/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.88	Khá	
21	19304044	Trương Thị Thu Thắm	11/7/1984	Cửu Long	Nữ	Kinh	3.34	Giỏi	
22	19304045	Nguyễn Thị Thu	02/6/1982	Cửu Long	Nữ	Kinh	3.09	Khá	
23	19304047	Lê Thị Tuyền	01/01/1981	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.68	Khá	
24	20304005	Nguyễn Hoàng Linh	20/7/1993	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.60	Khá	
25	20304006	Lê Thị Mộng Nghi	13/9/1985	Tiền Giang	Nữ	Kinh	3.29	Giỏi	
26	20304008	Lê Thị Kim Oanh	10/9/1987	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.79	Khá	
27	20304010	Võ Lâm Hoàng Sang	01/01/1992	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
28	20304013	Tổng Minh Tiến	28/7/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.78	Khá	
29	20304016	Ngô Tâm Trí	11/3/1988	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.93	Khá	
30	20304020	Nguyễn Hoài Nam	22/02/1993	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.66	Khá	
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử									
31	16303226	Phan Hoàng Trọng	07/10/1986	Bến Tre	Nam	Kinh	2.94	Khá	
32	17303093	Quách Huỳnh Nhị Anh	20/3/1978	Hậu Giang	Nam	Kinh	2.77	Khá	
33	17303190	Nguyễn Thanh Thảo	11/3/1978	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
34	18303005	Nguyễn Hữu Đạt	24/02/1994	Bình Thuận	Nam	Kinh	3.28	Giỏi	
35	18303012	Nguyễn Thanh Hùng	29/10/1989	Bình Thuận	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
36	18303014	Nguyễn Hữu Hoài Hương	01/01/1990	Đồng Nai	Nam	Kinh	3.18	Khá	
37	18303017	Nguyễn Trần Đăng Nguyên	30/10/1994	Bình Thuận	Nam	Kinh	3.19	Khá	
38	18303024	Nguyễn Văn Quý	21/01/1995	Quảng Trị	Nam	Kinh	3.09	Khá	
39	18303030	Nguyễn Hữu Thịnh	15/02/1989	Bình Thuận	Nam	Kinh	3.33	Giỏi	
40	18303043	Nguyễn Quang Cường	28/7/1987	Gia Lai	Nam	Kinh	3.34	Giỏi	
41	18303073	Trần Văn Tình	06/02/1991	Bình Thuận	Nam	Kinh	3.25	Giỏi	
42	19303028	Võ Trường An	06/12/1982	Bến Tre	Nam	Kinh	3.39	Giỏi	
43	19303029	Trịnh Hữu Bằng	24/9/1993	Bến Tre	Nam	Kinh	3.11	Khá	
44	19303031	Phạm Văn Chương	23/6/1982	Bến Tre	Nam	Kinh	3.10	Khá	
45	19303032	Trần Văn Đại	03/3/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	3.23	Giỏi	
46	19303033	Nguyễn Văn Tấn Đạt	28/11/1990	Bến Tre	Nam	Kinh	2.99	Khá	
47	19303036	Ngô Huỳnh Hoàng Em	23/10/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	2.96	Khá	
48	19303037	Diệp Minh Hùng	27/12/1987	Bến Tre	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
49	19303040	Tô Minh Kha	01/3/1992	Bến Tre	Nam	Kinh	2.99	Khá	
50	19303044	Lê Phi Long	13/10/1987	Bến Tre	Nam	Kinh	3.15	Khá	
51	19303045	Trần Thị Xuân Mai	05/12/1986	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.36	Giỏi	
52	19303047	Trần Thị Yến Ngọc	03/9/1989	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.28	Giỏi	
53	19303048	Lâm Thị Thảo Nguyên	09/8/1984	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.20	Giỏi	
54	19303049	Lê Khôi Nguyên	06/01/1995	Bến Tre	Nam	Kinh	3.31	Giỏi	
55	19303053	Phạm Duy Phương	14/4/1987	Bến Tre	Nam	Kinh	3.02	Khá	
56	19303055	Nguyễn Minh Quang	08/02/1984	Bến Tre	Nam	Kinh	2.89	Khá	
57	19303058	Nguyễn Thị Xuân Tâm	10/10/1981	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.16	Khá	
58	19303060	Nguyễn Hoài Thanh	25/8/1982	Bến Tre	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
59	19303061	Huỳnh Minh Thành	09/3/1996	Bến Tre	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
60	19303062	Võ Ngô Thịnh	12/02/1996	Bến Tre	Nam	Kinh	3.18	Khá	
61	19303063	Hồ Thị Ngọc Tú	30/9/1985	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.09	Khá	
62	19303064	Nguyễn Thanh Tú	13/7/1989	Bến Tre	Nam	Kinh	3.02	Khá	
63	19303065	Trịnh Thanh Tú	22/01/1982	Hậu Giang	Nam	Kinh	3.09	Khá	
64	19303067	Lê Minh Tuấn	24/9/1985	Bến Tre	Nam	Kinh	2.79	Khá	
65	19303068	Trà Anh Tuấn	19/3/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.41	Giỏi	
66	19303096	Thái San	20/02/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	3.23	Giỏi	
67	19303001	Lê Thiện Bảo	22/12/1988	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.50	Giỏi	
68	19303002	Nguyễn Trung Chánh	20/11/1990	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.47	Giỏi	
69	19303006	Trần Minh Hoàng	20/02/1983	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.58	Giỏi	
70	19303009	Trần Cao Minh	02/6/1995	TP HCM	Nam	Kinh	3.31	Giỏi	
71	19303010	Lâm Hiếu Nghĩa	29/5/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.39	Giỏi	
72	19303012	Nguyễn Văn Trọng Nhân	26/12/1988	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.43	Giỏi	



TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
73	19303013	Nguyễn Minh Nhựt	29/10/1992	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.45	Giỏi	
74	19303017	Nguyễn Thái Bảo Thanh Quang	15/7/1987	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.67	Xuất sắc	
75	19303023	Hồ Thiện	07/12/1992	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.47	Giỏi	
76	19303024	Võ Tấn Thúc	06/01/1989	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
77	19303025	Phan Ngọc Tiến	15/01/1987	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
78	19303026	Đỗ Hữu Trinh	29/02/1982	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.63	Xuất sắc	
79	19303027	Ngô Tấn Vũ	13/02/1980	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.46	Giỏi	
80	19303071	Hồ Quốc Việt	23/6/1988	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.62	Xuất sắc	
81	19303087	Nguyễn Hoàng Tân	01/5/1995	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.26	Giỏi	
82	19303088	Bùi Thịnh	16/4/1986	Đắk Lắk	Nam	Kinh	3.12	Khá	
83	19303093	Kiều Thanh Tuyền	27/9/1996	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.30	Giỏi	
84	20303103	Lê Hải Bằng	20/02/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.06	Khá	
85	20303104	Trần Văn Cương	09/8/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	
86	20303106	Nguyễn Dương Dũng Hải	01/5/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
87	20303107	Lê Công Hậu	19/6/1997	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.15	Khá	
88	20303108	Đỗ Hiếu Liêm	05/4/1991	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.81	Khá	
89	20303110	Thạch Sa My	09/01/1996	Trà Vinh	Nam	Khmer	3.11	Khá	
90	20303111	Nguyễn Huy Nam	01/7/1995	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.99	Khá	
91	20303113	Nguyễn Thanh Tân	03/5/1997	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.94	Khá	
92	20303010	Nguyễn Minh Hoàng	01/11/1990	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.14	Khá	
93	20303012	Nguyễn Hoàng Lâm	05/02/1995	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.94	Khá	
94	20303014	Tô Bảo Linh	15/7/1996	Cà Mau	Nam	Kinh	2.79	Khá	
95	20303017	Trần Phúc Nhân	05/6/1981	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.95	Khá	
96	20303018	Nguyễn Minh Nhựt	03/6/1974	Cửu Long	Nam	Kinh	3.45	Giỏi	
97	20303025	Lê Bình Thao	26/3/1987	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.90	Khá	
98	20303026	Nguyễn Hoài Thương	09/11/1996	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.74	Khá	
99	20303030	Nguyễn Anh Tiền	03/8/1980	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.62	Khá	
100	20303032	Nguyễn Đình Trọng	20/12/1995	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
101	20303039	Nguyễn Thị Kim Ngọc	04/01/1996	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.24	Giỏi	
102	20303041	Phan Nhựt Tân	22/11/1992	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.76	Khá	

III. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

103	20308008	Lê Hoài Nam	10/01/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
-----	----------	-------------	------------	-----------	-----	------	------	-----	--

IV. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

104	15301005	Nguyễn Thành Khải	25/02/1994	An Giang	Nam	Kinh	2.00	Trung bình	
105	15301007	Nguyễn Hồng Lộc	05/5/1992	An Giang	Nam	Kinh	2.19	Trung bình	
106	15301020	Trần Lê Vinh	02/01/1987	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.89	Khá	
107	19301005	Nguyễn Tiến Trình	09/12/1992	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.06	Trung bình	
108	19301007	Lê Thị Trạn	15/7/1994	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.68	Khá	
109	19301012	Nguyễn Phi Hùng	28/6/2001	Cà Mau	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
110	19301027	Mai Sơn Thái	17/12/2001	Nam Định	Nam	Kinh	2.60	Khá	
111	20301001	Trương Văn Cầu	18/02/1993	Cà Mau	Nam	Kinh	2.66	Khá	
112	20301008	Diệp Bửu Lộc	16/8/1989	Bạc Liêu	Nam	Hoa	2.53	Khá	
113	20301012	Nguyễn Thành Phúc	09/3/1997	An Giang	Nam	Kinh	2.16	Trung bình	
114	20301014	Lâm Trường Sơn	10/10/1980	Sóc Trăng	Nam	Kinh	3.09	Khá	
115	20301015	Nguyễn Hữu Tài	26/6/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.54	Khá	
116	20301017	Nguyễn Trí Tín	03/3/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.54	Khá	
117	20301018	Trần Tấn Trọng	17/9/1998	Long An	Nam	Kinh	2.51	Khá	
118	20301033	Trần Thanh Liêm	27/8/1985	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.45	Trung bình	
119	20301034	Thái Thành Lũy	09/11/1983	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	
120	20301036	Nguyễn Thế Vinh	10/7/1980	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	
121	20301037	Nguyễn Lê Tiến Đạt	24/01/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	2.66	Khá	
122	20301038	Phạm Ngọc Đức	30/10/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	2.57	Khá	
123	20301040	Trần Quốc Hiệp	24/4/1991	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.82	Khá	
124	20301041	Nguyễn Chí Hiếu	04/4/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	2.75	Khá	
125	20301043	Tạ Huy Hoàng	20/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.63	Khá	
126	20301044	Nguyễn Hoàng Huy	19/02/1999	Long An	Nam	Kinh	2.88	Khá	
127	20301046	Bạch Văn Khánh	05/4/1999	Long An	Nam	Kinh	2.67	Khá	
128	20301047	Trần Nhật Khoa	23/8/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.35	Trung bình	
129	20301048	Nguyễn Văn Lâm	17/4/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	2.59	Khá	
130	20301054	Ngô Quốc Quyền	31/12/1999	TP HCM	Nam	Kinh	2.75	Khá	
131	20301055	Trương Vĩnh Sỹ	17/8/1997	Long An	Nam	Kinh	2.60	Khá	
132	20301056	Lê Trí Thuận	03/10/1991	Long An	Nam	Kinh	2.80	Khá	
133	20301057	Nguyễn Phước Trí	12/3/1999	Long An	Nam	Kinh	2.43	Trung bình	
134	20301059	Dương Quốc Gia Tuấn	04/12/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.66	Khá	
135	21301164	Hồ Tấn Đạt	16/02/1994	Long An	Nam	Kinh	2.92	Khá	
136	21301165	Đặng Thành Đạt	07/10/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.78	Khá	
137	21301166	Trương Quốc Hào	12/04/2000	TP HCM	Nam	Hoa	2.73	Khá	
138	21301167	Nguyễn Kha	02/02/1995	An Giang	Nam	Kinh	2.99	Khá	
139	21301168	Nguyễn Lê Hoài Nhã	03/08/2000	TP HCM	Nam	Kinh	2.75	Khá	
140	21301169	Trương Thuận Phát	05/11/2000	TP HCM	Nam	Hoa	2.79	Khá	
141	21301170	Lữ Cẩm Quyền	01/09/2000	TP HCM	Nam	Hoa	2.67	Khá	
142	21301171	Nguyễn Lê Hoài Thương	05/07/1998	TP HCM	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
143	21301001	Nguyễn Đức Thắng	14/9/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.40	Trung bình	
144	21301002	Nguyễn Ngọc Thiện	15/4/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	2.42	Trung bình	

V. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông

145	20312004	Lê Thành An	26/02/1998	Long An	Nam	Kinh	2.97	Khá	
146	20312005	Trần Lương Bằng	02/9/1997	Đắk Lắk	Nam	Kinh	2.91	Khá	
147	20312006	Phạm Văn Cảnh	15/10/1991	Long An	Nam	Kinh	3.01	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
148	20312007	Nguyễn Trung Chinh	26/10/1999	Long An	Nam	Kinh	2.90	Khá	
149	20312008	Nguyễn Công Chính	02/7/1994	Hải Dương	Nam	Kinh	2.65	Khá	
150	20312009	Võ Hòa Cửa	03/10/1999	Bình Dương	Nam	Kinh	2.87	Khá	
151	20312010	Võ Văn Đức	27/9/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	3.17	Khá	
152	20312012	Nguyễn Đức Huy	28/5/1995	Long An	Nam	Kinh	2.69	Khá	
153	20312013	Võ Nhật Huy	13/3/1991	TP HCM	Nam	Kinh	2.87	Khá	
154	20312014	Bùi Quang Liêm	16/02/1990	Long An	Nam	Kinh	2.87	Khá	
155	20312015	Cao Thành Luân	08/01/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.96	Khá	
156	20312016	Hồ Nguyễn Chí Nam	18/8/1982	Long An	Nam	Kinh	3.07	Khá	
157	20312017	Phạm Minh Nguyên	06/02/1992	Bến Tre	Nam	Kinh	3.00	Khá	
158	20312018	Nguyễn Đoàn Công Nhật	26/01/1999	Long An	Nam	Kinh	3.00	Khá	
159	20312019	Nguyễn Lê Thị Hồng Nhật	28/3/1983	Long An	Nữ	Kinh	2.98	Khá	
160	20312020	Nguyễn Văn Phú	28/8/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.98	Khá	
161	20312022	Võ Hữu Phước	25/11/1994	Long An	Nam	Kinh	2.99	Khá	
162	20312023	Phan Văn Quyết	10/4/1987	Hà Nội	Nam	Kinh	2.86	Khá	
163	20312024	Quảng Trọng Tấn	10/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.94	Khá	
164	20312025	Lê Thái	21/3/1996	Long An	Nam	Kinh	3.02	Khá	
165	20312026	Nguyễn Nhựt Thanh	02/11/1993	Long An	Nam	Kinh	2.93	Khá	
166	20312027	Nguyễn Hữu Thông	18/12/1995	Đắk Lắk	Nam	Kinh	3.18	Khá	
167	20312028	Lại Minh Thuận	08/11/1992	Long An	Nam	Kinh	3.01	Khá	
168	20312029	Cao Minh Tiến	12/12/1999	Long An	Nam	Kinh	3.13	Khá	
169	20312030	Lê Văn Tính	28/9/1994	Bến Tre	Nam	Kinh	3.02	Khá	
170	20312031	Võ Hồng Trọng	28/10/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.94	Khá	
171	20312033	Nguyễn Thị Tuyết Vân	26/02/1982	Long An	Nữ	Kinh	3.23	Giỏi	
172	20312034	Đinh Hoài Văn	21/11/1999	Long An	Nam	Kinh	3.02	Khá	
173	21312001	Lê Đức Khải	22/10/1998	Vũng Tàu	Nam	Kinh	2.50	Khá	
174	21312002	Nguyễn Thanh Thi	28/3/1999	TP HCM	Nam	Kinh	2.61	Khá	
175	21312003	Võ Tấn Vũ	02/10/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2.88	Khá	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. *Lao Hùng Phi*

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG BÁC SĨ THỨ Y HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 272/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 29 tháng 12 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	17310001	Trần Hoàng Lâm	27/10/1990	TP HCM	Nam	Kinh	3.62	Xuất sắc	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Cao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 272/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 29 tháng 12 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	19311002	Đỗ Thị Bình	Công tác xã hội	02/8/1975	Thái Bình	Nữ	Kinh	2.96	Khá	
2	19311005	Nguyễn Thị Ngọc Đang		04/5/1988	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.60	Xuất sắc	
3	19311006	Huỳnh Hồng Diễm		01/01/1986	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.48	Giỏi	
4	19311007	Ngô Thị Diệu		10/02/1985	Cửu Long	Nữ	Kinh	3.35	Giỏi	
5	19311008	Lý Thị Hạnh Dung		07/01/1984	Sóc Trăng	Nữ	Khmer	3.17	Khá	
6	19311010	Nguyễn Phi Hải		12/02/1976	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.94	Khá	
7	19311011	Mai Thị Hải		08/4/1985	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	3.07	Khá	
8	19311014	Lê Thị Diễm Hương		20/12/1995	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.33	Giỏi	
9	19311015	Lê Ngọc Hương		12/6/1987	Vũng Tàu	Nữ	Kinh	3.62	Xuất sắc	
10	19311016	Dương Minh Khoa		07/8/1983	Cửu Long	Nam	Kinh	2.81	Khá	
11	19311017	Nguyễn Đăng Khoa		19/3/1979	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.02	Khá	
12	19311021	Lê Thị Thùy Linh		05/7/1991	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.58	Giỏi	
13	19311022	Phạm Thị Kiều Loan		03/02/1995	Trà Vinh	Nữ	Kinh	3.19	Khá	
14	19311024	Huỳnh Hữu Lộc		25/4/1982	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
15	19311025	Nguyễn Thành Lộc		11/9/1994	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.65	Khá	
16	19311027	Nguyễn Hồng Lý		06/3/1970	Bình Long	Nữ	Kinh	3.65	Xuất sắc	
17	19311028	Lê Phan Thụy Bích Ngọc		30/10/1989	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.29	Giỏi	
18	19311030	Lê Hồ Huỳnh Như		05/12/1987	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.26	Giỏi	
19	19311033	Trần Quang Tám		05/5/1965	Cửu Long	Nam	Kinh	2.65	Khá	
20	19311034	Nguyễn Thị Hồng Thắm		06/8/1982	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.60	Xuất sắc	
21	19311035	Lê Thị Việt Thắm		28/5/1992	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.07	Khá	
22	19311037	Huỳnh Thị Kim Thoại		16/6/1995	Trà Vinh	Nữ	Kinh	3.44	Giỏi	
23	19311038	Nguyễn Diễm Thu		08/10/1989	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.11	Khá	
24	19311040	Nguyễn Thu Thủy		01/4/1988	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.32	Giỏi	
25	19311041	Nguyễn Thị Kiều Tiên		02/6/1978	Cửu Long	Nữ	Kinh	3.21	Giỏi	
26	19311042	Nguyễn Thanh Tiến		05/4/1987	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.10	Khá	
27	19311043	Nguyễn Ngọc Trâm		07/6/1986	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.32	Giỏi	
28	19311047	Phạm Thị Mỹ Trinh		22/02/1985	Trà Vinh	Nữ	Kinh	3.51	Giỏi	
29	19311048	Lê Hoàng Trung		13/02/1981	Cửu Long	Nam	Kinh	3.13	Khá	
30	19311049	Dương Thị Ngọc Tuyền		02/9/1971	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.95	Khá	
31	19311051	Nguyễn Thị Thùy Vân		24/3/1986	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.59	Khá	
32	19311053	Hồ Thị Hồng Yến		28/9/1982	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.18	Khá	
33	19311054	Huỳnh Hải Yến		11/01/1991	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.64	Xuất sắc	
34	19311056	Huỳnh Trọng Hiếu		11/7/1984	Hậu Giang	Nam	Kinh	2.65	Khá	
35	19311057	Nguyễn Văn Hoàng		17/5/1981	Bến Tre	Nam	Kinh	3.08	Khá	
36	19311058	Nguyễn Thị Tuyết Lan		08/8/1983	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.26	Giỏi	
37	19311064	Nguyễn Hữu Thiện		09/11/1994	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.49	Giỏi	

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Lạc Hùng Phi